

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~5805~~/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày ~~02~~ tháng 11 năm 2021

V/v thu hồi tạm ứng vốn
đầu tư XD CB từ nguồn NSNN
trên địa bàn tỉnh đến 30/9/2021

Kính gửi:

- Các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Công an tỉnh;
- KBNN Quảng Ngãi;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Xét báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số 3327/STC-TCĐT ngày 28/10/2021 về tổng số dư nợ tạm ứng trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 30/9/2021 là 896.643,54 triệu đồng (trong đó nợ tạm ứng quá hạn 177.989,79 triệu đồng, đã thu hồi 2.363,74 triệu đồng so với thời điểm 30/6/2021), Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Các cơ quan, đơn vị và KBNN các cấp tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác thu hồi tạm ứng vốn đầu tư XD CB từ nguồn NSNN trên địa bàn tỉnh tại các Công văn: Số 6626/UBND-TH ngày 31/12/2020; số 1743/UBND-TH ngày 26/4/2021 và số 3581/UBND-TH ngày 27/7/2021. Phê bình các đơn vị để tồn đọng nợ tạm ứng quá hạn và chưa thực hiện đầy đủ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3581/UBND-TH ngày 27/7/2021 như: Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (46.971,37 triệu đồng), UBND thành phố Quảng Ngãi (40.553,63 triệu đồng) và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (49.660,88 triệu đồng).

2. Đối với nợ tạm ứng quá hạn (177.989,79 triệu đồng tính đến ngày 30/9/2021):

a) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Ban quản lý dự án có dự án nợ tạm ứng quá hạn (theo Phụ lục đính kèm):

- Đối với dư nợ tạm ứng quá hạn, khó có khả năng thu hồi do Nhà thầu phá sản đã có Quyết định của Tòa án chưa mất khả năng thanh toán hoặc đã có Quyết định của Tòa án nhưng nhà thầu mất khả năng thanh toán và đã chuyển đến cơ quan Thi hành án: Chủ Đầu tư, Ban QLDA tiếp tục kiến nghị cơ quan Thi hành án báo cáo tình hình thực hiện thu hồi nợ tạm ứng quá hạn và có biện pháp mạnh trong công tác cưỡng chế, truy tìm thu hồi tiền, tài sản,

xử lý đương sự theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể chi tiết từng dự án để thu hồi dứt điểm nợ tạm ứng quá hạn.

- *Đối với dự nợ tạm ứng quá hạn không có khả năng thu hồi mà chưa xử lý:* Chủ đầu tư, Ban QLDA tiếp tục xác định trách nhiệm cá nhân và tiến hành gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân buộc các đơn vị thi công phải trả số tiền đã tạm ứng quá hạn cho Chủ đầu tư, Ban QLDA theo quy định.

- *Đối với 01 dự án đình hoãn không thực hiện được:* Trung tâm phòng chống HIV/AIDS (nay là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh giải pháp cụ thể về xử lý thanh toán hoặc thu hồi dứt điểm để quyết toán dự án công trình.

- *Đối với dự nợ tạm ứng quá hạn do vướng cơ chế chính sách tái định cư:* Chủ đầu tư, Ban QLDA tiếp tục tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét giải quyết cơ chế chính sách tái định cư để có mặt bằng thi công, tạo điều kiện cho nhà thầu thi công có khối lượng nghiệm thu và hoàn trả tạm ứng.

- *Đối với dự nợ tạm ứng quá hạn do các dự án vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:* Chủ đầu tư phối hợp chặt chẽ với tổ chức làm nhiệm vụ đền bù, chính quyền địa phương tuyên truyền vận động người dân nắm hiểu về chính sách đền bù để phối hợp thực hiện, quyết tâm cam kết đến 31/12/2021 hoàn thành công tác đền bù. Sau ngày 31/12/2021 các Ban quản lý dự án, Chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi tiền đền bù chưa thực hiện chi trả cho người dân của tổ chức đền bù chuyển về tài khoản của Chủ đầu tư, Ban quản lý đề KBNN Quảng Ngãi trích tài khoản của đơn vị thu hồi tạm ứng quá hạn nộp NSNN theo chế độ quy định tại Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các trường hợp không thu hồi vốn tạm ứng quá hạn theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh thì Giám đốc Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án báo cáo kiểm điểm, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

- Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nghiệm thu khối lượng XD/CB hoàn thành; khẩn trương gửi hồ sơ thanh toán đến KBNN nơi giao dịch để kiểm soát, thanh toán, tránh dồn khối lượng thanh toán vào tháng cuối năm. Chủ đầu tư lập báo cáo kết quả thu hồi gửi KBNN Quảng Ngãi **trước ngày 05/01/2022**. Riêng các Chủ đầu tư có số dự nợ tạm ứng quá hạn quá lớn gồm: Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, UBND thành phố Quảng Ngãi và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh báo cáo gửi UBND tỉnh **trước ngày 07/01/2022** (qua KBNN Quảng Ngãi).

b) KBNN Quảng Ngãi:

- Tiếp tục đôn đốc các Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án thực hiện công tác thu hồi tạm ứng và tạm ứng quá hạn đúng thời gian quy định.

- *Đối với dự nợ tạm ứng quá hạn do các dự án vướng công tác giải phóng mặt bằng:* Sau ngày 31/12/2021, trên cơ sở số thu hồi tiền đền bù chưa thực hiện chi trả cho người dân của tổ chức đền bù chuyển về tài khoản của

Chủ đầu tư, Ban quản lý, KBNN Quảng Ngãi trích từ tài khoản của Ban quản lý dự án, Chủ đầu tư thu hồi triệt để tạm ứng quá hạn nộp NSNN theo chế độ quy định tại Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Quyết tâm đến 31/12/2021 không còn dư nợ tạm ứng quá hạn do các dự án vướng công tác giải phóng mặt bằng.

- Đối với dư nợ tạm ứng quá hạn, khó có khả năng thu hồi do Ban quản lý dự án giải thể: KBNN Quảng Ngãi tiếp tục phối hợp với Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án rà soát, xác định rõ nguyên nhân, đề xuất giải pháp cụ thể về xử lý thanh toán hoặc thu hồi dứt điểm để quyết toán dự án công trình.

- Báo cáo kết quả thực hiện thu hồi nợ tạm ứng quá hạn số liệu tính đến ngày 31/12/2021; đề xuất biện pháp xử lý, kiểm điểm đối với các Chủ đầu tư, Ban quản lý không thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) **trước ngày 15/01/2022.**

c) Sở Tài chính trên cơ sở số liệu báo cáo và đề xuất của Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi về tình hình tạm ứng và tạm ứng quá hạn, chủ động tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời theo quy định.

Yêu cầu thủ trưởng các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, Thha428.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn

STT	Đơn vị/đơn vị	Mã dự án	Năm dự kiến	Lý do số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó, nợ quá hạn:										Đề xuất, hướng xử lý theo hội đồng
					Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng cộng = A+B			896.643.541.227	727.708.858.490	168.934.682.737	177.989.798.071	44.634.744.208	133.355.053.863	278.959.900	16.918.634.580	352.000.000	133.077.469.863	27.362.731.728	
A	Các huyện, thành phố			260.990.226.622	222.206.514.780	38.783.711.842	64.278.125.107	29.229.671.780	35.048.453.327	0	16.918.634.580	0	34.864.227.327	12.495.261.200	
	KB huyện quản lý			902.683.390	673.811.000	228.872.390	0	0	0	0	0	0	0	0	
	KB tỉnh quản lý			895.740.857.837	727.035.047.490	168.705.810.347	177.989.798.071	44.634.744.208	133.355.053.863	278.959.900	16.918.634.580	352.000.000	133.077.469.863	27.362.731.728	
I	UBND Thành phố Quảng Ngãi			54.200.893.948	23.733.019.200	30.467.874.748	40.553.633.948	10.085.759.200	30.467.874.748	0	0	0	30.467.874.748	10.085.757.200	
A	KBNN TỈNH			54.200.893.948	23.733.019.200	30.467.874.748	40.553.633.948	10.085.759.200	30.467.874.748	0	0	0	30.467.874.748	10.085.757.200	
1	KĐT mới phục vụ TĐC ĐỀ BAO GID 2	7561919	2019	26.988.376.158	6.964.054.200	20.024.321.958	26.988.376.158	6.964.054.200	20.024.321.958				20.024.321.958	6.964.054.200	Vướng BTGPMB nên ảnh hưởng đến đơn vị thu công. Do tranh chấp trong gia đình giữa các hộ được đền bù, BQL sẽ tiếp tục vận động các hộ dân, nếu không chỉ trả được sẽ làm thủ tục nộp trả NSNN trong năm 2021. BQL đã xin gia hạn thu hồi tạm ứng đến 31/12/2021
2	Châu Thạch Bích	7557903	2018	224.083.880	224.083.880	224.083.880							224.083.880		Tiền bồi thường cho một số hộ dân còn vướng mắc tranh chấp, mâu thuẫn thừa kế nên chưa nhận tiền, BQL sẽ trả soát trong năm 2021, nếu không chỉ trả được sẽ làm thủ tục nộp trả NSNN. BQL đã xin gia hạn thu hồi tạm ứng đến 31/12/2021
3	Đường vào nhà máy xử lý rác Đông Nà	7721768	2020	13.521.498.000	13.521.498.000	0									
4	Đường Chu Văn An	7583005	2016	13.341.175.910	3.121.707.000	10.219.468.910	13.341.175.910	3.121.705.000	10.219.468.910	0	0	0	10.219.468.910	3.121.703.000	
			2016	1.240.571.000	75.000.000	1.165.571.000	1.240.569.000	74.998.000	1.165.571.000				1.165.571.000	74.998.000	
			2017	1.507.958.000	-	1.507.958.000	1.507.958.000	0	1.507.958.000				1.507.958.000		
			2018	4.253.919.000	-	4.253.919.000	4.253.919.000	0	4.253.919.000				4.253.919.000		
			2019	6.338.727.910	3.046.707.000	3.292.020.910	6.338.727.910	3.046.707.000	3.292.020.910				3.292.020.910	3.046.705.000	Các hộ dân không nhận tiền do mức bồi thường không phù hợp nên không chỉ trả được. Ban QLĐA xin gia hạn thu hồi tạm ứng đến ngày 31/12/2021
	Xã Nghĩa Hà			125.760.000	125.760.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Kính Tụy Hòa	7780926	2021	22.612.000	22.612.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Năm đặt tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:			Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:				Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã định hoàn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
b	Trường Tiểu học Đồng Hà	7792645	2021	10.833.000	10.833.000										
c	KCH kênh Vườn Cam đi Rộc Đá	7800166	2021	7.711.000	7.711.000										
d	KCH Kênh Hà Dầu đi Hồ Tôm	7800167	2021	8.227.000	8.227.000										
e	Trường Mầm non Nghĩa Hà	7802945	2021	34.623.000	34.623.000										
f	Trường Tiểu học Tây Hà, Hàng mực: 06 phòng chức năng, nhà vệ sinh	7805359	2021	41.754.000	41.754.000										
II	UBND huyện Bình Sơn			11.783.926.000	7.448.962.000	4.334.964.000	4.334.964.000		4.334.964.000	0	0	0	4.334.964.000	0	
*	VP KBNN TỈNH			11.620.578.000	7.285.614.000	4.334.964.000	4.334.964.000		4.334.964.000	0	0	0	4.334.964.000	0	
I	Thủy lợi Đồng Sông	7666165		1.790.476.000	1.790.476.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			2019	1.707.609.000	1.707.609.000			0							
			2020	82.867.000	82.867.000			0							
2	Đường vành đai Tây bắc TT Châu á	7721463		6.476.084.000	2.141.120.000	4.334.964.000	4.334.964.000		4.334.964.000	0	0	0	4.334.964.000	0	
			2019	6.317.049.000	1.982.085.000	4.334.964.000	4.334.964.000		4.334.964.000				4.334.964.000		Vì đơn giá đền bù thấp, dân chưa chịu nhận. BQL đang phối hợp các đơn vị liên quan vận động giải quyết và sẽ thu hồi 2021. Ban QLDA xin gia hạn thu hồi tạm ứng đến ngày 31/12/2021
			2020	159.035.000	159.035.000			0							
3	XD cơ sở hạ tầng khu TEC Van Tường	7862628	2021	3.354.018.000	3.354.018.000										
*	KBNN HUYỆN BÌNH SƠN			163.348.000	163.348.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
I	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Xuân Yên Đông	7779175	2019	163.348.000	163.348.000			0							
III	UBND huyện Trà Bồng			9.007.161.000	8.293.482.000	713.679.000	713.679.000								
*	VP KBNN TỈNH			8.496.698.000	7.783.019.000	713.679.000	713.679.000								
I	Đường Trà Phong - Trà Ka	7199833	2010	2.122.090.000	2.122.090.000		2.122.090.000								Đã có quyết định của Tòa án về việc thu hồi tạm ứng quá hạn, nhưng Nhà đầu tư khả năng thanh toán. Đã chuyển THIA DS huyện Ba Tr

Vì đơn giá đến bù thấp, dân chưa chịu nhận. BQL đang phối hợp các đơn vị liên quan vận động giải quyết và sẽ thu hồi tạm ứng đến ngày 31/12/2021

Đã có quyết định của Tòa án về việc thu hồi tạm ứng quá hạn, nhưng Nhà thầu mất khả năng thanh toán. Đã chuyển THA DS huyện Ba Tơ

Trong đó, nợ quá hạn:															Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng	
STT	Đơn vị dự án	Mã dự án	Năm ứng dụng đầu tiên	Lấy kế số dự toán ứng dụng thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dự toán ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:								(16)
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BOLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
2	Tuyến đường số 2 Trung tâm huyện Lý Tây Trà	7322398	2019	298.988.000	182.741.000	116.247.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			2019	182.741.000	182.741.000	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	
			2021	116.247.000	-	116.247.000	-	0	-	-	-	-	-	-	-	
3	Dương Eo Chum-Trà Nham-Độc Bình Minh	7612865		261.504.000	244.772.000	16.732.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			2019	244.772.000	244.772.000	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	
			2021	16.732.000	-	16.732.000	-	0	-	-	-	-	-	-	-	
4	Dương Trà Phong-Gia Ra-Trà Bung huyện Tây Trà	7177486	2010	5.020.595.000	5.020.595.000	-	5.020.595.000	5.020.595.000	-	-	5.020.595.000	-	-	-	Đã có quyết định của Tòa án về việc thu hồi tạm ứng quá hạn, nhưng Nhà thầu mất khả năng thanh toán. Đã chuyển THA DS thành phố	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nội 3 Trà Xanh đi thôn Trà Ôi, xã Trà Xanh	7723989	2019	212.821.000	212.821.000	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	
6	NC, MR tuyến đường từ UBND xã đi Dô 3 Trà Véo	7826320	2020	580.700.000	-	580.700.000	-	0	-	-	-	-	-	-	-	
•	KERN HUYN TRÀ BÔNG			510.463.000	510.463.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Dương xã BTXM Tuyến Eo xã Lam - Thôn Sơn (nối tiếp)	7816436	2020	211.314.000	211.314.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Dương xã BTXM tuyến đường từ 4 đến từ 5 thôn Trà Xuân - giải đoạn 4 (thuộc tuyến UBND xã - từ 4 thôn Trà Xuân)	7817491	2020	288.477.000	288.477.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	BTXM Tuyến đường từ tỉnh lộ 622B đi cầu neo Trà Thọ (nối tiếp)	7868350	2021	10.672.000	10.672.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	UBND huyện Sơn Tịnh			3.306.607.000	3.306.607.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
•	VP KERN TỈNH			3.306.607.000	3.306.607.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Dương N9 huyện Lý Sơn Tỉnh mới	7724389	2019	3.306.607.000	3.306.607.000	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Đơn vị dự án	Mã dự án	Năm độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:					Trong đó, nợ quá hạn:			Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BOLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã định hoàn không thực hiện	Ước công tác bồi thường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
*	KBNN HUYỆN SƠN TINH															
V	UBND HUYỆN SƠN HÀ			5.160.327.000	5.160.327.000	0	2.124.043.000	2.124.043.000	0	0	2.124.043.000	0	0	0		
*	VP KBNN TỈNH			5.160.327.000	5.160.327.000	0	2.124.043.000	2.124.043.000	0	0	2.124.043.000	0	0	0		
1	Đường Giải-Gối-Mô Níc	7046481	2010	2.124.043.000	2.124.043.000		2.124.043.000	2.124.043.000			2.124.043.000				Tòa án đã có kết luận việc nhà thầu nộp trả tạm ứng. Đã chuyển THA DS thành phố	
2	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh, huyện Sơn Hà	7640434	2020	3.036.284.000	3.036.284.000	-	0	0	0	0	0	0	0	0		
*	KBNN HUYỆN SƠN HÀ			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
VI	UBND huyện Tư Nghĩa			2.341.323.000	422.285.000	1.919.038.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
*	VP KBNN TỈNH			2.341.323.000	422.285.000	1.919.038.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Cầu Phà thuộc tuyến đường CCN La Hà	7721967		2.341.323.000	422.285.000	1.919.038.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2019	276.497.000		276.497.000										
			2020	422.285.000	422.285.000		0									
			2021	1.642.541.000		1.642.541.000		0								
*	KBNN HUYỆN TƯ NGHĨA															
VII	UBND huyện Nghĩa Hành			30.209.183.000	30.209.183.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
*	VP KBNN TỈNH			30.209.183.000	30.209.183.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Đường tránh đồng huyện Nghĩa Hành	7724891	2019	3.897.896.000	3.897.896.000			0	-							
2	Hồ chứa nước Suối Đa, Nghĩa Hành	7337009	2021	26.311.287.000	26.311.287.000											
*	KBNN HUYỆN															
VIII	UBND huyện Mộ Đức			3.855.173.094	2.895.870.000	959.303.094	13.361.579	0	13.361.579	0	0	0	13.361.579	0		
*	VP KBNN TỈNH			3.725.705.718	2.895.870.000	829.835.718	13.361.579	0	13.361.579	0	0	0	13.361.579	0		
1	HT tiêu nước nội các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng	7490060	2019	13.361.579	-	13.361.579	13.361.579	0	13.361.579				13.361.579		Do các hộ dân chưa nhận tiền do đi làm ăn xa, nếu không nhận CĐT sẽ nộp trả NSNN trong quý 4 năm 2021	

STT	Đơn vị/ dự án	Mã dự án	Năm đăng	Lấy kế số dự tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dự tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:			Trong đó, nợ quá hạn:							Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLDA/CD T giải thể	Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					Nguyên nhân khác		
											Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bởi thường					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)			
2	Tuyến đường Đông TT Mộ Đức	7620909	2020	813.727.735	-	813.727.735	0	0										
3	Tuyến Đường QL 1 Đà Bắc	7726903	2019	2.898.616.404	2.895.870.000	2.746.404	-	0	-					-				
*	KERN HUỖN MỘ ĐỨC			129.467.376	0	129.467.376	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Kể, khu neo đậu trú bão kết hợp bán cá, khu bán sản phẩm cá và khu dân cư xã Đức Lợi	7696667	2019	129.467.376		129.467.376		0										
IX	UBND huyện Minh Long			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
*	VP KERN TỈNH			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
*	KERN HUỖN MINH LONG																	
X	UBND huyện Đức Phổ			6.379.340.000	6.379.340.000	0	6.104.028.000	6.104.028.000	0	0	4.092.962.000	0	0	0	2.011.066.000			
*	VP KERN TỈNH			6.379.340.000	6.379.340.000	0	6.104.028.000	6.104.028.000	0	0	4.092.962.000	0	0	0	2.011.066.000			
1	Hồ chứa nước Lỗ Lã	7052914	2010	2.010.554.000	2.010.554.000		2.010.554.000	2.010.554.000			2.010.554.000				Hiện nay TAND thành phố đang thụ lý theo TB số 228/TB-TLVA ngày 12/8/2021, Tòa án đã có kết luận ý nhà thầu nộp trả tạm ứng. Xin gửi hạn đến 31/12/2021.			
2	Đường QL 1A- Phố Vinh	7163129	2011	2.082.408.000	2.082.408.000		2.082.408.000	2.082.408.000			2.082.408.000				Tòa án đã có kết luận ý nhà thầu nộp trả tạm ứng và đã chuyển CC THA dân sự TP để thực hiện THA dân sự. Xin gửi hạn đến 31/12/2021.			
3	QL 1A Mỹ Á-KCN Phố Phong GDI	7291449	2015	2.011.066.000	2.011.066.000		2.011.066.000	2.011.066.000						2.011.066.000	Đã vướng mắc về công tác tài chính c nước chưa có mặt bằng để triển khai đ công. Đề nghị Ban QLDA trình UBND tỉnh xem xét giải quyết cơ chế chính sách tài chính cơ. Xin gửi hạn đến 31/12/2021.			
4	HT thoát nước TT TX Đức Phổ	7654201	2020	275.312.000	275.312.000	-		0										

Hiện nay TAND thành phố đang thụ lý theo TB số 228/TB-TLVA ngày 12/8/2021, Tòa án đã có kết luận ý kiến thẩm tra tạm ứng. Xin gửi hạn đến 31/12/2021.

Tòa án đã có kết luận ý kiến thẩm tra tạm ứng và đã chuyển CC THA dân sự TP để thực hiện THA dân sự. Xin gửi hạn đến 31/12/2021.

DA vướng mắc về công tác tài chính c nên chưa có mặt bằng để triển khai thi công. Đề nghị Ban QLDA trình UBND tỉnh xem xét giải quyết cơ cấu chính sách tài chính cơ. Xin gửi hạn đến 31/12/2021.

STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:				Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:				Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BOLDA/CĐ T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
*	KBNN HUYỆN ĐỨC PHỐ			99.405.014	0	99.405.014	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Sân vận động xã Phố Phong	7839306	2021	99.405.014	-	99.405.014										
XI	UBND huyện Ba Tr			4.245.673.580	4.061.447.580	184.226.000	3.957.382.580	3.773.156.580	184.226.000	0	3.558.944.580	0	0	0	398.438.000	
*	VP KBNN TỈNH			4.245.673.580	4.061.447.580	184.226.000	3.957.382.580	3.773.156.580	184.226.000	0	3.558.944.580	0	0	0	398.438.000	
1	Đường Ba Tr Ba Lễ	7027684	2010	3.558.944.580	3.558.944.580		3.558.944.580	3.558.944.580			3.558.944.580					Tòa án đã có kết luận ý/c nhà thầu n trả tạm ứng (TPCP). Đã chuyển THA DS thành phố
2	Đường cứu hộ, cứu nạn Ba Tr - Ba Tr	7553547		214.212.000	214.212.000	0	214.212.000	214.212.000	0	0	0	0	0	0	214.212.000	Đang xin gia hạn thời gian thực hiện dự án
3	Đường Ba Tr Chùa-Hành Tin Đông	7721077	2020	4.291.000	4.291.000	0										
4	Đường Ba Tr -															

STT	Đơn vị dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Trong đó, nợ quá hạn:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng			
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	Gồm:			Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					
							Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLĐ/ACĐ T. giải thể	Nhà thầu phá sản		Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)-(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
*	KERN HUYN SON TAY														
XIII	UBND huyện Lý Sơn			125.692.769.000	125.518.274.000	174.495.000	48.027.000	0	48.027.000	0	0	0	48.027.000	0	0
*	VP KERN TINH			125.692.769.000	125.518.274.000	174.495.000	48.027.000	0	48.027.000	0	0	0	48.027.000	0	0
1	Khoi phục bộ xương cá ông Lăng Tàn	7722801	2019	2.144.127.000	2.096.100.000	48.027.000	48.027.000		48.027.000				48.027.000		Người dân ko chấp nhận giải bồi thường và đang gửi đơn ra tòa án khởi kiện. Đang chờ tòa xử
2	Đường TT huyện - Xã An Hải	7321947	2020	89.500.000	89.500.000			0							
3	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	7722802	2021	36.165.189.000	36.038.721.000	126.468.000		0							
4	Trung tâm Y tế Quận - Dân Y Lý Sơn	7809660	2021	64.358.873.000	64.358.873.000										
5	HT tưới nước SH kết hợp tưới cho NN Lý Sơn	7669754	2020	22.935.080.000	22.935.080.000			0						0	
*	KERN HUYN LY SON			0	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
B	Các Sở, Ban ngành tỉnh			635.553.909.591	505.502.343.710	130.051.565.881	113.711.672.964	15.405.072.428	98.306.600.536	278.959.900	0	352.000.000	98.213.242.536	14.867.470.528	
I	BQL DA DT XD các công trình dân dụng tỉnh Quảng Ngãi			86.081.593.000	81.510.878.000	4.570.715.000	124.563.000	0	124.563.000	0	0	0	124.563.000	0	0
1	Đường bờ Đông sông Kinh Giang	7207355	2018	124.563.000	0	124.563.000	124.563.000	0	124.563.000	0	0	0	124.563.000	0	0
			2019	48.250.000	-	48.250.000	48.250.000	0	48.250.000				48.250.000		Một số bộ dân chưa chịu nhận tiền BT theo phương án được duyệt, đã thực hiện nộp vào TK dân bù của BQL. Ban sẽ vận động tuyên truyền nếu không nhận sẽ làm thủ tục thu hồi nợ NS. Xin gia hạn đến 31/12/2021.
2	Công viên tỉnh HXĐ Đường TT phía Nam	7721760	2019	5.028.888.000	5.028.888.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			2020	162.710.000	162.710.000			0							
3	BV Y học cổ truyền tỉnh	7330892	2020	5.435.262.000	5.435.262.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			2021	5.335.262.000	5.335.262.000	-	-	0							

Một số bộ phận chưa chịu nộp tiền BT theo phương án được duyệt, đã thực hiện nộp vào TK đền bù của BQL. Ban sẽ vận động tuyên truyền nếu không nhận sẽ làm thủ tục thu hồi nộp NS. Xin gửi hạn đến 31/12/2021.

STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lũy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Gồm:						Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:				Để xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BOLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã định hoàn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
4	TT Thông tin triển lãm tỉnh	7604357		194.746.000	194.746.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2016	100.000.000	100.000.000			0									
			2017	94.746.000	94.746.000			0									
5	Đường DL vào khu Di chỉ VH Sa Huỳnh	7791571		22.335.199.000	17.889.047.000	4.446.152.000	-	-	-	-	-	-	-	-			
			2020	17.658.828.000	17.658.828.000				0								
			2021	4.676.371.000	230.219.000	4.446.152.000											
6	Khu DL văn hóa Thiên Ấn	7653950		1.295.619.000	1.295.619.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2019	1.295.619.000	1.295.619.000												
7	Khu liên hợp TĐTT tỉnh	7653951		20.718.431.000	20.718.431.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2020	3.593.323.000	3.593.323.000	-		0									
			2018	272.000.000	272.000.000	-		0									
			2019	16.853.108.000	16.853.108.000	-		0									
8	Trường THPT chuyên Lê Kiệt	7653952		417.846.000	417.846.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2020	295.243.000	295.243.000	-			0								
			2021	122.603.000	122.603.000	-			0								
9	S/cứu, N/cấp M/ởng bệnh viện Tâm Thần	7776074	2020	1.835.312.000	1.835.312.000	0			0								
10	Nhà A3 Tỉnh ủy	7803982	2021	23.797.001.000	23.797.001.000	0	0	0	0								
11	Hồ chứa lắp rác hợp vệ sinh, trồng cây xanh cách ly.	7849074	2020	4.898.726.000	4.898.726.000	0											
II	BOL DA DT XD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH QUANG NGÃI			190.633.519.521	175.377.143.593	15.256.375.928	11.063.785.752	8.550.688.024	2.513.097.728	0	0	0	2.513.097.728	8.550.688.024			
A	BOL DA các công trình NN&PTNT			95.651.974.200	95.630.017.000	21.957.200	4.501.371.431	4.501.371.431	0	0	0	0	0	4.501.371.431			
1	Đê Phò Minh - Đức Phổ	7489963	2020	21.957.200		21.957.200	0	0					-				
2	Tiểu ung, thoát lũ KCN VSHIP QN GE1	7481525		89.890.000	89.890.000	0	89.890.000	89.890.000	0	0	0	0	0	89.890.000	Sẽ hoàn ứng sau khi có KL XL		
			2015	89.890.000	89.890.000		89.890.000	89.890.000					-	89.890.000			

Trong đó, nợ quá hạn:																
STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:			Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLĐA/CĐ T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vi phạm công tác bất thường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
3	XD tuyến đê biển Thanh Đức, DP	7721234	2019	21.959.182.000	21.959.182.000	0	4.411.481.431	4.411.481.431	0	0	0	0	0	4.411.481.431	Nhà thầu đã có khối lượng thanh toán hoàn ứng lần 1 số tiền: 404.478.000 đ trong đầu tháng 10 có KL thu ứng đợt 2 số tiền: 845.040.569 đ. BQL có văn bản xin trả hạn đến 31/12/2021	
			2019	9.161.182.000	9.161.182.000		5.256.522.000	5.256.522.000						4.411.481.431		
			2020	12.798.000.000	12.798.000.000			0								
4	Đập ngăn mặn Bình Nguyễn - Bình Phước	7641539	2019	15.895.379.000	15.895.379.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2021	585.696.000	585.696.000			0								
5	Kênh tiêu, thoát nước Từ Tỳ (Quảng Trị)	7721235	2020	7.506.351.000	7.506.351.000		0	0								
6	Kiểu phục khăn cấp hậu quả thiên tai	7624218	2021	913.645.000	913.645.000		0	0								
7	Cao tuyến đê biển huyện Lý Sơn	7644093	2020	10.201.681.000	10.201.681.000			0								
8	Vùng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn	7267886		879.390.000	879.390.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2018	850.000.000	850.000.000	-		0								
			2019	29.390.000	29.390.000	-		0								
9	Kế bảo vệ Bờ Bắc Sông Vệ đoạn hạ lưu cầu Sông Vệ (QL 1A) và đoạn Cầu đường sắt, tỉnh Quảng Ngãi	7843626	2020	2.865.962.000	2.865.962.000											
10	Chống sụt lún bờ Bắc Cửa Đại	7861634	2021	23.463.960.000	23.463.960.000											
11	Kế chống sụt lún bờ biển Sa Huỳnh, P Phố Thanh, TX Đức Phổ	7891753	2021	11.200.297.000	11.200.297.000			0								
12	Chống sụt lún bờ bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh Minh, Huyện Sơn Tịnh	7891754	2021	654.280.000	654.280.000			0								

STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Gồm:						Trong đó, nợ quá hạn:				Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BOLDA/CB T giải thể	Nhà thầu phá sản	DA đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
B	Ban Quản lý dự án BTXD các công trình GT			94.981.545.321	79.747.126.593	15.234.418.728	6.562.414.321	4.049.316.593	2.513.097.728	-	-	-	2.513.097.728	4.049.316.593			
I	Đường Ven biển - Đường Quán - Sa Huỳnh	7012565		4.617.609.321	4.049.316.593	568.292.728	4.617.609.321	4.049.316.593	568.292.728	0	0	0	568.292.728	4.049.316.593			
			2016	377.679.728	-	377.679.728	377.679.728		377.679.728				377.679.728				
			2017	4.239.929.593	4.049.316.593	190.613.000	4.239.929.593	4.049.316.593	190.613.000				190.613.000	4.049.316.593	Chỉ phí xây dựng: 4.049.316.593 trả Ban QLDA đang chờ thu hồi nộp ngân sách, nếu không thu hồi được không kiến đến Tòa án. Còn: 568.292.728 trả và lập thủ tục hoàn ứng. Xin gia hạn đến 31/12/2021		
2	Đường tránh là, cầu hồ chứa nằm các huyện vùng tây	7248319		7.500.000.000	7.500.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2019	7.500.000.000	7.500.000.000			0									
			2021	0													
3	Cầu cửa Đại	7274232		1.553.549.000	1.382.287.000	171.262.000	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2021	1.553.549.000	1.382.287.000	171.262.000											
4	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa	7477513		3.162.587.000	1.709.381.000	1.453.206.000	1.307.074.000	0	1.307.074.000	0	0	0	1.307.074.000	0			
			2017	420.156.000		420.156.000	420.156.000		420.156.000				420.156.000				
			2018	102.856.000	-	102.856.000	102.856.000	0	102.856.000				102.856.000				
			2019	1.080.194.000	150.000.000	930.194.000	784.062.000		784.062.000				784.062.000				
			2020	1.559.381.000	1.559.381.000			0									
			2021	0													
5	HT điện CS đoạn Km1027- Km1045+780 và cây xanh tại nút Đắc sọt tuyến QL6	7495863		383.834.000	383.834.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2020	383.834.000	383.834.000			0									

Trong đó, nợ quá hạn:																
STT	Danh dự án	Mã dự án	Năm ứng đầu tư	Lấy kế số dự tịm ứng đầu tiên (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dự tịm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:			Các nguyên nhân nợ tịm ứng quá hạn như sau:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tịm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Dền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Dền bù, GPMB	BOLDA/CB T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bất thường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
6	Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quận Lạt - đả Chết), từ KM10-KM18	7630548		4.705.854.000	3.531.596.000	1.174.258.000	420.454.000	0	420.454.000	0	0	0	420.454.000	0		
			2021	753.804.000		753.804.000		0								
			2019	420.454.000	-	420.454.000	420.454.000		420.454.000				420.454.000		Hồ dân chưa đồng ý vì đơn giá thấp, chưa xác với đơn giá thị trường. Xin giả hạn đến 31/12/2021	
			2020	3.531.596.000	3.531.596.000			0								
7	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐT.623B (Quận Ngãi - Thạch Nhơn)	7642813		9.353.403.000	5.254.404.000	4.098.999.000	15.130.000	0	15.130.000	0	0	0	15.130.000	0		
			2018	0	-			0							Hồ dân chưa đồng ý vì đơn giá thấp, chưa xác với đơn giá thị trường. Đang vấn đồng các hộ dân để chi trả và lập thủ tục hoàn ứng. Xin giả hạn đến 31/12/2021	
			2019	4.249.898.000	4.234.768.000	15.130.000	15.130.000		15.130.000				15.130.000			
			2020	2.958.053.000	1.019.636.000	1.938.417.000		0								
			2021	2.145.452.000		2.145.452.000										
8	Đường nối từ ĐT.623B vào khu vực dự án khu sinh thái, ngặt đường dân bản suối nước nóng Nghĩa Thuận	7678247	2019	141.697.000	141.697.000	0										
9	Đập Dàng hạ lưu sông Trà Khúc	7678250		41.921.305.000	41.704.542.000	216.763.000	202.147.000	0	202.147.000	0	0	0	202.147.000	0		
			2019	40.987.041.000	40.784.894.000	202.147.000	202.147.000	0	202.147.000				202.147.000		Hồ dân đi làm ăn xa không có ở địa phương nên chưa nhận tiền bồi thường. Xin giả hạn đến 31/12/2021	
			2020	544.648.000	544.648.000			0								
			2021	389.616.000	375.000.000	14.616.000										
10	Dự án Cầu Sông Kìn, thị trấn Dị Lăng huyện Sơn Hà	7709824		7.954.812.000	7.305.060.000	649.752.000	0	0	0	0	0	0	0	0		

STT	Đơn vị dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dự tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Gồm:						Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	Tổng số dự tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLĐA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã định hoàn không thực hiện	Vướng công tác bãi thường	Nguyên nhân khác				
															(5)	(6)	(7)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)			
			2019	7.396.947.000	6.747.195.000	649.752.000		0										
			2020	557.865.000	557.865.000			0										
11	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tỉnh Phong giai đoạn 1	7720895		8.745.294.000	2.260.898.000	6.484.396.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
			2019	2.521.887.000	185.162.000	2.336.725.000		0										
			2020	6.223.407.000	2.075.736.000	4.147.671.000		0										
12	NC tuyến đường từ đường tránh Đồng đi Thu xã	7720896		660.566.000	243.076.000	417.490.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2019	0				0										
			2020	243.076.000	243.076.000			0										
			2021	417.490.000		417.490.000												
13	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 2a Thành phần I	7807448	2020	4.281.035.000	4.281.035.000			0										
IV	BQL khu KT Dung Quất			176.941.424.753	126.988.672.266	49.952.752.487		46.971.369.966	3.480.643.504	43.490.726.462	0	0	0	43.490.726.462	3.480.643.504			
*	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng			176.471.449.513	126.988.672.266	49.482.777.247		46.501.394.726	3.480.643.504	43.020.751.222	0	0	0	43.020.751.222	3.480.643.504			
1	XD hệ thống KHTH các KDC trong KKT Dung Quất	7032592	2012	3.257.352	0	3.257.352		3.257.352	0	3.257.352	0	0	0	3.257.352	0			
2	Đường Tri Bình - Cảng Dung Quất	7019241		18.876.054.538	8.027.263.000	10.848.791.538		8.163.339.588	0	8.163.339.588	0	0	0	8.163.339.588	0			
			2015	9.131.886.538		9.131.886.538		6.446.434.588		6.446.434.588	0	0	0	6.446.434.588	0			
			2016	1.586.483.000		1.586.483.000		1.586.483.000	0	1.586.483.000	0	0	0	1.586.483.000	0			
			2018	947.917.000	854.353.000	93.564.000		93.564.000	0	93.564.000	0	0	0	93.564.000	0			
			2019	7.109.768.000	7.072.910.000	36.858.000		36.858.000	0	36.858.000	0	0	0	36.858.000	0			
			2020	100.000.000	100.000.000			0	0	0	0	0	0	0	0			
4.158.440.942đ TT PTOĐ Dung C đang trình phê duyệt chi phí phục v cho UBND huyện Bình Sơn để lìn số nghiệm thu thu hồi tng. 4.004.898.646đ TT PTOĐ đang tiế tục chi trả. Xin gia hạn đến 31/12/2021																		

4.158.440.942đ TT PTOĐ Dung C
đang trình phê duyệt chi phí phục v
cho UBND huyện Bình Sơn để lần
số nghiệm thu thu hồi ứng.
4.004.898.646đ TT PTOĐ đang tiế
tục chi trả. Xin gia hạn đến
31/12/2021

STT	Đơn vị dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dự tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dự tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:		Các nguyên nhân dự tạm ứng quá hạn như sau:							Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
3	XD 02 tuyến đường gom QL 1A	7413766	2014	720.009.000	720.009.000	0	720.009.000	720.009.000	0	0	0	0	0	720.009.000	720.009.000 đ đã thu ứng của đơn vị thi công về tài khoản 3751 của Ban DA và tài Kho bạc. Đề nghị nộp NSNN. - Đang chờ chủ trương tạm dùng để quyết toán dự án và nộp NSNN. Xin giả hạn đến 31/12/2021		
4	Tuyến đường Bình long - Cảng ĐQ	7366386		10.533.531.492	9.038.921.492	1.494.610.000	1.252.349.434	0	1.252.349.434	0	0	0	1.252.349.434	0	79.760.566đ đã chuyển vào TK tạm ứng 3741 của Ban DA tại KB và sẽ nộp vào NS khi quyết toán DAHT. - Các hồ dân yếu cầu cấp đất TĐC theo nhiệm vụ hệ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Xin giả hạn đến 31/12/2021.		
			2018	80.225.000	0	80.225.000	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2016	6.287.868.000	6.152.948.000	134.920.000	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2017	1.279.465.000	0	1.279.465.000	1.252.349.434	0	1.252.349.434	0	0	0	1.252.349.434	0			
			2020	2.885.973.492	2.885.973.492	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
5	Các tuyến đường trục KCN mạng ĐQ	7564310		28.833.028.247	23.767.010.247	5.066.018.000	4.998.839.000	0	4.998.839.000	0	0	0	4.998.839.000	0	3.409.518.000đ Ban dự án đã thu về tài khoản 3741 nộp tại kho bạc từ TT08/2016/TT-BTC. 939.215.000đ tháng nhất chi trả từ cho bà Trần Thị Yến và hồ Trần Xuân Trinh (vợ là Ngô Thị Thọ) tại thôn Tuyến Diên 3, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đang hoàn thiện thủ tục để hoàn từ 331.604.328đ TTPTQĐ Dung Quất chỉ trả cho đơn vị hoàn thiện hồ để nghiệm thu, thu hồi tạm ứng. 318.501.672đ còn lại TTPTQĐ D		
			2016	5.066.018.000	0	5.066.018.000	4.998.839.000	0	4.998.839.000	0	0	0	4.998.839.000	0	Quất đang tiếp tục chi trả. Xin giả hạn đến 31/12/2021		
			2017	5.839.713.000	5.839.713.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2018	4.955.145.000	4.955.145.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2019	2.974.139.000	2.974.139.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
			2020	9.998.013.247	9.998.013.247	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Gồm:					Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác			
															6	7	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
6	Kế chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ cứu nạn đập Cà Ninh	7395927		70.880.822.978	60.026.550.000	10.854.272.978	10.854.272.978	-	10.854.272.978	-	-	-	10.854.272.978	-	6.592.456.000đ đã thu hồi về tài khoản 3741 mở tại kho bạc theo TT 08/2016/TT-BTC. Thanh tra tỉnh kết luận cho giữ 6.592.456.000đ lại để thực hiện dự án (Theo Kết luận của Thanh tra số 03/KL-LUBND ngày 28/9/2021).		
			2016	67.347.483.978	60.026.550.000	7.320.933.978	7.320.933.978	0	7.320.933.978	0	0	0	7.320.933.978	0	2.647.192.797đ TTPTQD Dung Quất đã chi trả và đang hoàn thiện hồ sơ để thu hồi tạm ứng.		
			2018	3.533.339.000	0	3.533.339.000	3.533.339.000	0	3.533.339.000	0	0	0	3.533.339.000	0	1.614.623.913đ còn lại tại TTPTQD Dung Quất đang vận động chi trả cho các hộ dân. Xin gia hạn đến 31/12/2021.		
															- Xin điều chỉnh nhiệm vụ chi số tiền 6.592.456.000đ từ chi phí đến bù sang chi xây lắp.		
7	02 HM phát sinh của TDA đến bù mở rộng Nhà máy lọc dầu	7714965		608.291.000	395.679.000	212.612.000	212.360.000	0	212.360.000	0	0	0	212.360.000	0	TTPTQD Dung Quất chỉ trả cho dân đang hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu, thu hồi tạm ứng. Xin gia hạn đến 31/12/2021		
			2018	335.143.000	335.143.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2019	273.148.000	60.536.000	212.612.000	212.360.000	0	212.360.000	0	0	0	212.360.000	0	0		
8	Kế chấn cắt căng Dung Quất	7621599		3.909.948.023	3.909.948.023	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2019	964.735.000	964.735.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2020	1.368.367.023	1.368.367.023	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2021	1.576.846.000	1.576.846.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
9	Đường số 6 KCN Tinh Phong	7725138		248.909.000	248.909.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
10	7106648_Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường (mở rộng).	7106648		98.750.000	98.750.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
11	Đường liên cảng Dung Quất	7602659		10.664.597.451	7.300.468.000	3.364.129.451	3.034.820.000	0	3.034.820.000	0	0	0	3.034.820.000	0	TTPTQD Dung Quất đang tiếp tục chi trả. Xin gia hạn đến 31/12/2021		
			2017	74.000.000	74.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2019	9.598.429.451	6.563.608.000	3.034.821.451	3.034.820.000	0	3.034.820.000	0	0	0	3.034.820.000	0	0		
			2020	992.168.000	662.860.000	329.308.000	329.308.000	0	329.308.000	0	0	0	329.308.000	0	0		

Trong đó, nợ quá hạn:																
STT	Đơn vị dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lũy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:			Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BOLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bãi đường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
12	Tuyến đường GT Type chính nối đô thị Vạn Tường	7241654	2020	19.603.687.038	3.630.265.000	15.973.422.038	12.873.440.000	0	12.873.440.000	0	0	0	12.873.440.000	0	0	
			2015	3.844.252.000	1.113.713.000	2.730.539.000	295.359.000	0	295.359.000	0	0	0	295.359.000	0	0	
			2016	2.684.710.000	2.389.351.000	295.359.000	0	0	295.359.000	0	0	0	0	0	0	
			2018	127.201.000	127.201.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
			2018	776.358.038	0	776.358.038	406.915.000	0	406.915.000	0	0	0	406.915.000	0	0	
			2019	12.171.166.000	0	12.171.166.000	12.171.166.000	0	12.171.166.000	0	0	0	12.171.166.000	0	0	
13	KDC Hải Nam	7481444	2019	4.087.812.504	2.760.634.504	1.327.178.000	4.087.812.504	2.760.634.504	1.327.178.000	0	0	0	1.327.178.000	2.760.634.504	0	
14	Nhà ở xã Bình Hải tiếp tục vận động dân tháo dỡ nhà và chi trả tiền bồi thường bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thu công tiếp tục lên khối lượng thu hồi tạm ứng. Xin g hạn đến 31/12/2021	7652169	2019	4.599.927.870	4.261.442.000	338.485.870	300.894.870	0	300.894.870	0	0	0	300.894.870	0	0	
			2019	4.522.336.870	4.183.851.000	338.485.870	300.894.870	0	300.894.870	0	0	0	300.894.870	0	0	
			2020	77.591.000	77.591.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Sửa chữa Cầu Trà Bông	7885988	2021	2.802.823.000	2.802.823.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
*	Trung tâm PTQĐ Dung Quất			469.975.240	-	469.975.240	469.975.240	0	469.975.240	0	0	0	469.975.240	0	0	
1	Bãi thường, hỗ trợ bồi sung cho các hộ GED, cá nhân bị thu hồi đất	7180169	2009	469.975.240	-	469.975.240	469.975.240	0	469.975.240	0	0	0	469.975.240	0	0	
VI	Sở NN&PTNT Quảng Ngãi			3.397.499.352	2.605.619.352	791.880.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Lâm viên Thuận An	7027349	2008	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Đơn vị dự án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dự tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dự tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:			Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã định hoàn không thực hiện	Viướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác		
															(6)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
*	BQL DA SC, NC đảm bảo an toàn đập			1.828.540.352	1.036.660.352	791.880.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	TDA sửa chữa và nâng cao an toàn đập (GD 1)	7628188	2021	536.372.000	536.372.000		0	0								
2	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (Giai đoạn II) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	7717017	2021	1.292.168.352	500.288.352	791.880.000										
*	BQL rừng phòng hộ tỉnh			1.085.237.000	1.085.237.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	7782589 Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2011-2020	7782589	2021	1.085.237.000	1.085.237.000											
*	Phục hồi và QL BV rừng phòng hộ tỉnh			483.722.000	483.722.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	DA phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi	7371301	2021	483.722.000	483.722.000											
VII	Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi			6.675.889.976	5.952.771.956	723.118.020	3.098.620	0	3.098.620	0	0	0	3.098.620	0		
1	DA cấp điện nông thôn tỉnh Q Ngãi	7269438		1.473.777.620	1.470.679.000	3.098.620	3.098.620	0	3.098.620	0	0	0	3.098.620	0	Hộ dân không nhận tiền bồi thường. 0 cơ quan bồi thường chưa chi trả được BQL xin gia hạn đến 31/12/2021	
			2019	1.152.178.620	1.149.080.000	3.098.620	3.098.620		3.098.620				3.098.620			
			2020	321.599.000	321.599.000			0								
2	cấp điện nông thôn từ lưới điện QG	7786626	2020	5.202.112.356	4.482.092.956	720.019.400	-	-	-	-	-	-	-	-		
			2020	4.482.092.956	4.482.092.956	-		0								
			2021	720.019.400	-	720.019.400		0								
VIII	Sở Y tế			352.000.000	352.000.000	0	352.000.000	352.000.000	0	0	0	0	352.000.000	0		
*	TT phòng chống HIV/AIDS			352.000.000	352.000.000	0	352.000.000	352.000.000	0	0	0	0	352.000.000	0		

STT	Đơn vị/ý kiến	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dự tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Trong đó, nợ quá hạn:									Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	Gồm:					Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:				
							Tổng số nợ tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLĐACB T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
1	Đã phòng chống HIV/AIDS	7387381	2014	352.000.000	352.000.000		352.000.000	352.000.000				352.000.000			Đã không triển khai, khối lượng tư vấn chuẩn bị đấu tư còn nợ, CĐT có CV trình UBND tỉnh.	
XI	Sự KII - DT tỉnh			1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
I	Giảm nghèo Tây Nguyên	7361740	2020	1.000	1.000		0	0								
XII	Các chủ đầu tư khác			364.281.000	182.500.000	181.781.000	364.281.000	270.923.000	93.358.000	275.858.000	0	0	0	88.423.000		
I	Dự án Nuôi tôm trên cát Bình Phú	7177626	2010	182.500.000	182.500.000		182.500.000	182.500.000		182.500.000					Giải thể BQL đang xin ý kiến xử lý của UBND tỉnh	
2	Năng lượng nông thôn VN Trà Bồng	7220430	2002	93.358.000		93.358.000	93.358.000	0	93.358.000	93.358.000					Giải thể BQL đang xin ý kiến xử lý của UBND tỉnh	
3	Đường Trà Bồng - Trà Phong (giai đoạn 2)	7133640	2008	88.423.000	0	88.423.000	88.423.000	88.423.000						88.423.000		
XIII	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh			78.306.307.819	22.664.919.106	55.641.388.713	49.660.879.279	0	49.660.879.279	0	0	0	49.660.879.279	0		
1	KDC Yên Phú	7243547		3.884.418.774	158.452.000	3.725.966.774	3.725.966.774	0	3.725.966.774	0	0	0	3.725.966.774	0	Vướng BTGPMB do một số hộ dân chưa chịu nhận tiền, CĐT đang phối hợp cùng địa phương vận động và xi giã hạn thu hồi tạm ứng đến ngày 31/12/2021	
			2013	158.452.000	158.452.000			0								
			2018	3.399.117.807		3.399.117.807	3.399.117.807	0	3.399.117.807				3.399.117.807			
			2019	326.848.967		326.848.967	326.848.967	0	326.848.967				326.848.967			
2	XD HT để bao ứng phó biến đổi khí hậu	7268608		283.682.324		283.682.324	283.682.324	0	283.682.324	0	0	0	283.682.324	0		
			2017	187.426.724		187.426.724	187.426.724	0	187.426.724				187.426.724		Vướng BTGPMB do một số hộ dân chưa chịu nhận tiền, CĐT đang phối hợp cùng địa phương vận động chi trả và hoàn ứng đúng quy định, xin giã hạn thu hồi tạm ứng đến ngày 31/12/2021	
			2018	96.255.600		96.255.600	96.255.600	0	96.255.600				96.255.600			
3	Khu TĐC Đê bao Tỉnh Kỳ	7519781		243.583.284		243.583.284	243.583.284	0	243.583.284	0	0	0	243.583.284	0		
			2017	130.462.931		130.462.931	130.462.931	0	130.462.931				130.462.931			

STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Năm độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:				Trong đó, nợ quá hạn:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã định hoàn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
							113.120.353		113.120.353				113.120.353		Vướng BTGPMB do một số hộ dân chưa chịu nhận tiền, CĐT đang phối hợp cùng địa phương vận động chỉ t và hoàn ứng đúng quy định, xin gia hạn thu hồi tạm ứng đến ngày 31/12/2021		
4	KDC Tỉnh Kỳ	7638395		9.910.454.268	9.900.324.268	10.130.000	10.130.000	-	10.130.000	-	-	-	10.130.000	-			
			2018	113.120.353	-		113.120.353		113.120.353				113.120.353				
			2019	9.910.454.268	9.900.324.268	10.130.000	10.130.000		10.130.000				10.130.000		Vướng BTGPMB do một số hộ dân chưa chịu nhận tiền, CĐT đang phối hợp cùng địa phương vận động chỉ t và hoàn ứng đúng quy định, xin gia hạn thu hồi tạm ứng đến ngày 31/12/2021		
5	Đường Bàu Giang - Cầu Mới	7019494		20.576.860.602	1.907.250.904	18.669.609.698	12.882.210.000	0	12.882.210.000	0	0	0	12.882.210.000	0	Đã có KL nhưng việc bàn giao chưa cụ thể, để nghị đem vi làm việc với Cty QISC để thanh toán hoàn ứng trước 31/12/2021. Nếu không chỉ tr được tiền bồi thường giải phóng m bảng cho các hộ dân bị ảnh hưởng, dự án sẽ nộp trả hoàn ứng ngân sách theo đúng quy định.		
			2017	16.406.774.000	-		9.354.075.000	0	9.354.075.000				9.354.075.000				
			2018	1.907.777.000	1.907.250.904	526.096	526.096.000	0	526.096.000				526.096.000				
			2019	2.262.309.602	-	2.262.309.602	3.002.039.000	0	3.002.039.000				3.002.039.000				
6	KDC phía Nam đường Hai Bà Trưng	7562226		18.556.831.625	-	18.556.831.625	18.556.831.625	0	18.556.831.625	0	0	0	18.556.831.625	0			
			2016	2.091.847.625	-		2.091.847.625	0	2.091.847.625				2.091.847.625		Dự án này Trung tâm mới tiếp nh bàn giao từ Công Ty QISC từ thán 04/2021. Trung tâm đang phối hợp cùng với địa phương tiến hành rà s kiểm tra và mới những hộ dân bị hưởng của dự án đến nhận tiền b thường, hỗ trợ và đẩy nhanh tiến đ thực hiện các dự án Khai thác quỹ để đầu giá quyền sử dụng đất theo đạo của UBND tỉnh tại Công văn: 962/UBND-CNND ngày 10/3/202		
			2017	666.143.000	-	666.143.000	666.143.000	0	666.143.000				666.143.000				
			2018	11.115.586.000	-	11.115.586.000	11.115.586.000	0	11.115.586.000				11.115.586.000				
			2019	4.683.255.000	-	4.683.255.000	4.683.255.000	0	4.683.255.000				4.683.255.000				
7	Kê và KDC Nam Sông về	7628096		15.731.331.604	8.455.071.934	7.276.259.670	7.083.149.934	0	7.083.149.934	0	0	0	7.083.149.934	0	Xin gia hạn đến 31/12/2021 nếu không chỉ trả được tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho các hộ đ ảnh hưởng của dự án sẽ nộp trả h ứng ngân sách theo đúng quy định		
			2017	63.000.000	-		63.000.000	0	63.000.000				63.000.000				
			2018	1.434.922.000	1.434.922.000			0									

STT	Đơn vị/dự án	Mã dự án	Năm đầu tiên đầu tiên	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Gồm:				Các nguyên nhân nợ tạm ứng quá hạn như sau:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BQLDA/CD T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã định hoàn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
4	Khu dân cư và dịch vụ phục vụ KCN Tinh Phong	7077747	2005	24.172.000	-	24.172.000	24.172.000	0	24.172.000				24.172.000		Chờ thanh toán bù trừ công nợ	
5	Đường vào KCN Quảng Phú (giai đoạn II)	7021159	2004	87.243.000	87.243.000		87.243.000	87.243.000						87.243.000	Chờ thanh toán bù trừ công nợ	
6	Khu TĐC Gò Xoài đường Nguyễn Chí Thanh	7020984	2006	258.739.293	30.000.293	228.739.000	258.739.923	30.000.000	228.739.923				228.739.923	30.000.000	Chờ thanh toán bù trừ công nợ	
7	Hệ thống xử lý nước thải KCN Tinh Phong (g/d I)	7289441	2011	71.688.000	71.688.000		71.688.000	71.688.000						71.688.000	Đã có KL nhưng việc bàn giao chưa cụ thể, để nghị Cty QISC làm việc trực tiếp với BQL KKT Dung Quất các KCN Quảng Ngãi để tổng hợp thanh toán hoàn ứng trước 31/12/20	
XV	Công ty TNHH MTV khai thác CT Thủy lợi			1.237.235.524	1.141.577.000	95.658.524	95.658.524	0	95.658.524	0	0	0	95.658.524	0		
1	Sửa chữa,kênh chính Năm Sông Vệ	7854764	2020	293.493.000	293.493.000	-		0								
2	Tiểu ứng , thoát lũ chống SL Sông Thoa	7139043		95.658.524	0	95.658.524	95.658.524	0	95.658.524	0	0	0	95.658.524	0	CDT đã có VB số 608 ngày 29/6/21 để nghị Trung tâm phát triển quỹ địa tính hoàn ứng nhưng đơn vị không thực hiện, KBNN sẽ làm việc với T phát triển quỹ đất tỉnh và sẽ trích T tiền gửi của đơn vị để thu hồi theo định trong tháng 11/2021.	
3	Chống ngập ứng KCN Vải qua kênh B10	7595661	2015	848.084.000	848.084.000	0	95.658.524	0	95.658.524	0	0	0	95.658.524	0		
			2016	757.784.000	757.784.000			0								
			2017	90.300.000	90.300.000			0								
XVI	Công ty TTXP tỉnh Quảng Ngãi			3.101.900	3.101.900	0	3.101.900	3.101.900	0	3.101.900	0	0	0	0		
1	NC cửa hàng TM huyện Minh Long	7180780	2008	69.000	69.000		69.000	69.000		69.000					Công trình đã quyết toán, chờ đơn thanh toán bù trừ	
2	NC cửa hàng TM huyện Ba Tr	7180800	2008	1.322.000	1.322.000		1.322.000	1.322.000		1.322.000						
3	NC cửa hàng TM huyện Sơn Hà	7180774	2008	1.710.900	1.710.900		1.710.900	1.710.900		1.710.900						

STT	Đơn vị/ý án	Mã dự án	Niên độ tạm ứng	Lấy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo (30/09/2021)	Trong đó		Tổng số dư tạm ứng quá hạn (30/09/2021)	Gồm:				Trong đó, nợ quá hạn:					Đề xuất, hướng xử lý thu hồi tạm ứng
					Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB		Xây lắp, thiết bị và khác	Đền bù, GPMB	BỘ/DV/CĐ T giải thể	Nhà thầu phá sản	Đã đình hoãn không thực hiện	Vướng công tác bồi thường	Nguyên nhân khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6	7	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
XVII	Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh			2.448.869.000	2.448.869.000	0	2.448.869.000	2.448.869.000		0				2.448.869.000			
1	Trạm kiểm soát Biên phòng Bình Hải	7004686	2019	2.351.384.000	2.351.384.000		2.351.384.000	2.351.384.000						2.351.384.000	Do vướng công tác GPMB đã được UBND tỉnh thông nhất cho thay đổi m XĐ theo CV số 3243/UBND - CNXD ngày 9/7/2021		
			2020	97.485.000	97.485.000		97.485.000	97.485.000						97.485.000			
XIX	Công an tỉnh			9.120.991.000	9.120.991.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Trụ sở làm việc các xã	7004692	2021	4.353.207.000	4.353.207.000												
2	Trụ sở làm việc các xã	7004692	2021	4.767.784.000	4.767.784.000												
XX	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh			65.467.706.000	65.467.706.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn gđ 3	7004686		56.676.921.000	56.676.921.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
			2019	414.000.000	414.000.000	0											
			2021	56.262.921.000	56.262.921.000	0											
2	Nhà làm việc BCHQS Sơn Hải, Sơn Tây, Ba Tg, Trà Bồng, Minh Long	7004686	2021	4.722.586.000	4.722.586.000	0											
3	Nhà làm việc BCHQS Bình Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, TP Quảng Ngãi, Đức Phổ	7004686	2021	4.068.199.000	4.068.199.000	0											
XXI	Sở Giao thông vận tải			9.842.654.000	9.842.654.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	KP thiết hại mua là tháng 10/2020 tuyến 628 QL1-Sơn Kỳ	7900280	2021	7.249.690.000	7.249.690.000												
2	KP thiết hại mua là tháng 10/2020 tuyến 628 QL1-Sơn Kỳ	7900281	2021	74.888.000	74.888.000												
3	Sửa chữa hư hỏng trên tuyến đường Trường Sa, Hoàng Sa	7911644	2021	2.518.076.000	2.518.076.000												
XXII	Trường Đại học Phạm Văn Đồng			371.479.000	371.479.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Khắc phục thiết hại do bão số 9 năm 2020 gây ra tại trường ĐH Phạm Văn Đồng	7902187	2021	371.479.000	0	371.479.000											